

Bản án số: 941/2024/HS-PT  
Ngày: 29/11/2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Bà Hoàng Thị Bích Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Nhật Phong, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Vi Thị Tuyết Minh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1149/2024/TLPT-HS ngày 10 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Thái B phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2024/HS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh C3.

**Bị cáo có kháng cáo:**

**Nguyễn Thái B** (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày 18/12/1974 tại huyện T, tỉnh C3; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ E, thị trấn T, huyện T, tỉnh C3; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn M (Đã chết) và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1947, có vợ là Hoàng Thị T và có 01 con, sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 12/3/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh C3 xử phạt 7 năm tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (Đã chấp hành án xong). Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30 tháng 5 năm 2024 đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C (PC03) nhận được tin báo về tội phạm của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C về việc: qua

công tác chuyên môn, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C phát hiện Nguyễn Thái B sử dụng 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nghi là giấy tờ giả cung cấp cho Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh để giải quyết vụ án dân sự, đề nghị Cơ quan Công an xác minh làm rõ.

Sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đã tiến hành xác minh, xác định có sự việc xảy ra như tin báo trên và đã tạm giữ: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (GCNQSDĐ), có thông tin như sau: Số phát hành: DI693022; Tên người sử dụng đất: Nguyễn Thái B, CCCD số: 004074006427; Thửa đất số: 241, tờ bản đồ số 19, địa chỉ: Tổ E, thị trấn T, huyện T, tỉnh C3, Diện tích: 9.700,7 m<sup>2</sup>; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; Thời hạn sử dụng: Đến tháng 10/2064; Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất; Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C ngày 18/8/2023, người ký: Chu Đức Q, Chức vụ: Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C.

#### Quá trình điều tra xác định:

Tháng 3/2022 có một đoàn cán bộ (không rõ cơ quan nào) đến thị trấn T, huyện T để thực hiện đo đất làm bản đồ địa chính đất đai, Nguyễn Thái B gặp và nói chuyện với một người đàn ông trong đoàn về việc thửa đất của B đang ở chưa có GCNQSDĐ, người này nhận sẽ giúp B. Tháng 6/2023, người đàn ông này liên lạc với B qua điện thoại nói có thể giúp Bằng làm GCNQSDĐ, qua hướng dẫn của người này B đã gửi ảnh chụp sơ đồ 03 thửa đất mà B đang quản lý, sử dụng (gồm bản vẽ tay các sơ đồ thửa đất; ảnh chụp sơ đồ địa chính đất của thị trấn T) và ảnh chụp căn cước công dân cho người đàn ông này, rồi nhấn làm 01 GCNQSDĐ chung cho cả 3 thửa đất (gộp chung làm 1 thửa) cộng với một phần đất thuộc thửa đất giáp ranh với các thửa của Bằng (thuộc quản lý của ông Hoàng Văn T1, trú tại: Tổ E, thị trấn T, huyện T, tỉnh C3) với hình dạng, diện tích mà B tự tính toán được là 9.700,7 m<sup>2</sup>.

Toàn bộ nội dung trao đổi, liên lạc với người đàn ông này B thực hiện qua ứng dụng Messenger trên điện thoại. Quá trình làm GCNQSDĐ, B đã chuyển tiền 3 lần cho người đàn ông này với tổng số tiền là 18.000.000đ, cả 3 lần đều thông qua vợ là Hoàng Thị T lấy tiền mặt để chuyển vào tài khoản của người đàn ông này. Bằng không lưu, không nhớ số tài khoản ngân hàng người nhận tiền, không có số điện thoại hay bất kỳ thông tin nào của người này. Đến khoảng tháng 8/2023, B nhận được GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI693022 từ dịch vụ giao hàng của bưu điện.

Quá trình thực hiện thủ tục cấp GCNQSDĐ trên, Bằng không đến cơ quan nhà nước để thực hiện, chỉ nhấn tin trao đổi qua điện thoại, không ký giấy tờ gì, cũng không có biên lai nộp lệ phí, giấy hẹn; Mục đích việc Bằng đặt làm GCNQSDĐ số DI693022 nhằm chứng minh tính pháp lý cho các phần đất của B và gia đình đang quản lý, phục vụ cho việc giải quyết tranh chấp dân sự giữa B và ông Hoàng Công N (trú tại: Tổ E, thị trấn T, huyện T, tỉnh C3), thực tế ngày 22/4/2024 Bằng đã cung cấp bản sao GCNQSDĐ trên cho Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh C3 để giải quyết vụ án dân sự “Tranh chấp đất đai” mà B là bị đơn,

chứng minh cho việc phần đất mà Tòa án đang giải quyết B đã được cấp GCNQSDĐ. Bằng biết việc nhờ người đàn ông không quen biết làm GCNQSDĐ là sai quy trình thủ tục, có thể là giả nhưng do tin tưởng người đó là cán bộ trong đoàn công tác thuộc cơ quan nhà nước, có điều kiện khả năng để làm được GCNQSDĐ nên đã nhờ làm, không quan tâm về tính đúng đắn của GCNQSDĐ trên.

Ngày 02/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C trưng cầu Phòng K Công an tỉnh C giám định tài liệu: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI693022, mang tên Nguyễn Thái B, cấp ngày 18/8/2023. Tại Kết luận giám định số 272 ngày 13/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh C kết luận: *“Giấy tờ trên là giả (phôi, chữ ký và hình dấu trên phôi đều là giả)”*.

Ngày 22/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C trưng cầu Viện Khoa học hình sự Bộ C1 giám định, khôi phục, trích xuất dữ liệu điện tử. Tại Kết luận giám định số 3876 ngày 01/7/2024 của V Bộ C1, kết luận: *“Trong đối tượng gửi giám định tìm thấy: 22 tin nhắn SMS, 488 tin nhắn Facebook Messenger, 285 tin nhắn Zalo, 6 tin nhắn Tiktok, 98 file video, 41006 file ảnh trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2022 đến nay theo thời gian hiển thị trên dữ liệu tìm được”*.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2024/HS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh C3 đã tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thái B phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Thái B 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 18/9/2024, bị cáo Nguyễn Thái B có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thái B giữ nguyên nội dung kháng cáo, thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm quy kết, bị cáo xác định việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, cho bị cáo được hưởng án treo với lý do bị cáo là lao động chính trong gia đình, con còn nhỏ, hiểu biết pháp luật hạn chế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, đánh giá nhân thân của bị cáo và quyết định mức hình phạt 09 tháng tù đối với bị cáo Nguyễn Thái B về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự là phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thái B kháng cáo trong hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung; Trích xuất dữ liệu điện tử từ chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ căn cứ xác định:

Do bị cáo đã nhiều lần đến các cơ quan Nhà nước xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện để cấp nên khoảng tháng 3/2022 Nguyễn Thái B đã đặt làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI693022 với một người đàn ông ông không quen biết với giá 18.000.000 đồng.

Sau khi nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên, ngày 22/4/2024, bị cáo đã cung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI693022 cho Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh C3 để chứng minh tính pháp lý cho phần đất đang tranh chấp trong vụ án dân sự mà B tham gia với tư cách là bị đơn. Kết quả giám định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI693022 là giả.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố tình nộp GCNQSDĐ giả cho Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh để chứng minh là bị cáo đã được cấp GCN hợp pháp nhằm thắng kiện trong vụ án dân sự.

Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thái B về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thái B, Hội đồng xét xử thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính, tài liệu, con dấu, gây mất trật tự an toàn xã hội, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất hành vi phạm tội, xem xét, áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Mặc dù, hành vi phạm tội bị cáo là ít

ng nghiêm trọng, nhưng bị cáo có nhân thân xấu, năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh xử phạt 7 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng cho bản thân, mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 tháng tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, ngoài tình tiết giảm nhẹ đã được áp dụng, bị cáo không xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo; Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm đối với bị cáo như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Về án phí: Bị cáo là người sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và đề nghị xin miễn án phí nên được miễn án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Không chấp nhận kháng cáo bị cáo Nguyễn Thái B. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2024/HS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh C3 cụ thể như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Nguyễn Thái B 09 (Chín) tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thái B được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- Tòa án nhân dân tỉnh C3;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C3;
- Công an tỉnh C3;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh C3;
- Bị cáo B (theo địa chỉ);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Tiến Dũng**